



xuàn mù

眩目

adjective · dazzling, blinding

Example Sentence

Wǔ tái shàng de dēng guāng fēi cháng xuàn mù
舞台上的灯光非常眩目。

The lights on the stage are very dazzling.

Trace each character, then write the word on your own.

眩	眩	眩	眩	眩	眩	眩	眩	眩	眩	眩
眩	眩									

目	目	目	目	目	目	目	目			
